TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2026/HS-ST
Ngày 29-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến – Cán bộ hưu

Ông Nguyễn Quang Kim – Cán bộ hưu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triệu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 2- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 135/2026/HSST ngày 17 tháng 04 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 05 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2026/QĐST-HS ngày 28/5/2026 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 14/TB-TA ngày 18/6/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Xuân D**, sinh năm 1982 tại Bắc Ninh; tên gọi khác: không; căn cước công dân số 024082013061 ; nơi cư trú: tổ dân phố số B, phường V, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị S; có vợ là Nguyễn Thị M (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 1313/2004/PTHS ngày 26/8/2004 củaTòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo chấp hành xong bản án ngày 30/8/2005; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam V - Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh B. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lữ Văn H**, sinh năm 1985 tại Bắc Ninh; tên gọi khác: không; căn cước công dân số 024085003777; nơi cư trú: tổ dân phố S, phường N, tỉnh Bắc

Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con bà Lữ Thị T1; bố: không xác định được; có vợ là Nguyễn Thị T2 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sơ sơ thẩm số 76/2012/HSST ngày 18/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2- Bắc Ninh) xử phạt Lữ Văn H 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/11/2012, xong án phí ngày 12/4/2013; Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2015/HSST ngày 17/3/2015 Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5- Bắc Ninh) xử phạt Lữ Văn H 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2015/HS-ST ngày 17/4/2015 Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2- Bắc Ninh) xử phạt Lữ Văn H 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt tại bản án số 14/2015/HS-ST ngày 17/3/2015 Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5- Bắc Ninh) và bản án số 18/2015/HS-ST ngày 17/4/2015 Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2- Bắc Ninh), bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 năm tù; bị cáo chấp hành xong 02 bản án ngày 08/10/2019. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/08/2025, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam V - Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh B. Có mặt.

3. Họ và tên: **Lưu Quang T3**, sinh ngày 15/07/1997 tại Bắc Ninh; tên gọi khác: không; căn cước công dân số 024097009321; nơi cư trú: thôn H, xã B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lưu Văn L và bà Tạ Thị C; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/11/2025, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam V - Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh B. Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Công Hoàng H1, sinh năm 1984 (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố T, phường V, tỉnh Bắc Ninh

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố số B, phường V, tỉnh Bắc Ninh

- Người làm chứng:

1. Anh Trần Văn H2, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố Tăng Quang, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh

2. Anh Lê Văn H3, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh

3. Anh Đỗ Văn T4, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Xuân D, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố số B, phường V, tỉnh Bắc Ninh có mâu thuẫn về việc vay nợ tiền với anh Nguyễn Công Hoàng H1, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố T, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Năm 2024, anh H1 có nhiều lần vay nợ tiền của D và xác định đã trả nợ xong, còn D xác định anh H1 vẫn còn nợ tiền chưa trả. D nhiều lần liên lạc gọi điện đòi tiền nhưng anh H1 không nghe máy và không gặp mặt. Khoảng 09 giờ ngày 12/6/2025, D gọi điện thoại qua ứng dụng zalo cho bạn là anh Trần Văn H2, sinh năm 1997, ở cùng tại tổ dân phố với anh H1, nhờ hẹn gặp anh H1 hộ để D gặp mặt nhưng không nói cho biết để làm gì, thì anh H2 đồng ý. Anh H2 nhắn tin cho anh H1 với nội dung bảo anh H1 vào hồi 20 giờ 30 phút cùng ngày đón H2 tại ngã tư N thuộc tổ dân phố S, phường N, tỉnh Bắc Ninh thì anh H1 đồng ý. Tiếp đó, anh H2 thông báo cho D biết đã hẹn anh H1 tại địa điểm trên. Khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày 12/6/2025, Vũ Xuân D cùng bạn gái mới quen chỉ biết tên là M1 nhà ở tỉnh Lạng Sơn (còn năm sinh và họ tên, địa chỉ cụ thể không biết) cùng Lữ Văn H, sinh năm 1985, ô dân phố S, phường N, tỉnh Bắc Ninh, Lưu Quang T3, sinh năm 1997, trú tại thôn H, xã B, tỉnh Bắc Ninh ngồi uống bia cùng nhau tại quán bán bia ở tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Trong khi đang uống bia, D nói với H và mọi người "tý nữa có thằng nợ anh 30.000.000 đồng, cho nó vào nhà mày để anh đòi tiền nó, nếu mà có gì thì chúng mày đánh nó hộ anh, nó trả tiền thì anh cho chúng mày một ít mà tiêu", thì H đồng ý. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi D thanh toán tiền bia, cả nhóm đi về khu vực ngã tư chợ N1. Khi đi, D điều khiển xe mô tô chở M1, H điều khiển xe mô tô chở T3 ngồi sau. Khi đến ngã tư chợ N1 thì nhóm D gặp anh H1 đi xe mô tô một mình đang đỗ ở rìa đường; lúc này H nói với T3 "Hiển nợ tiền anh D đấy, thôi đưa nó vào uống cốc bia rồi nói chuyện nợ nần", T3 hiểu là mời anh H1 vào nhà H. D đi đến chỗ anh H1 đứng và bảo "Đi vào đây uống với anh cốc bia rồi anh em nói chuyện" tức mời anh H1 đi vào nhà H, thì anh H1 đồng ý đi cùng. Anh H1 đi cùng nhóm của D về nhà H. Khi đến nhà H, anh H1 cùng nhóm của D để xe mô tô ở sân rồi đi vào trong nhà. Anh H1, D, M1, H, T3 cùng vào bên trong nhà thì thấy anh Đỗ Văn T4, sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố P, phường N, tỉnh Bắc Ninh là bạn của H đang ngồi bên trong nhà nghịch điện thoại. Lúc này, D nảy sinh ý định giữ

anh H1 lại để đòi tiền còn nợ trước đó nên yêu cầu anh T4 đi ra khỏi nhà. Khi anh T4 đi ra khỏi nhà, bên trong nhà còn lại D, H, T3, M1 và anh H1 thì T3 đóng cánh cửa, cài chốt lại không để cho anh H1 đi ra bên ngoài để đòi tiền hộ D; thấy vậy, D, H đồng ý. Tại đây, D ngồi cùng anh H1 tại đệm chải dưới nền nhà và nói chuyện về việc vay nợ được khoảng 02 phút, anh H1 không nhận còn nợ tiền. Lúc này, H lấy 01 gậy kim loại màu đen dài 50cm, đường kính 03cm, hai đầu gậy bọc nhựa màu đen dài 10cm, ở giữa có lò xo dài 16cm của H treo trên tường trong nhà (H dùng để tập cơ tay) cầm ở tay phải, đứng phía sau anh H1 giơ lên vụt 02 cái trúng vào vùng lưng anh H1 và nói "mày ngồi ngang hàng với anh tao à", mục đích để anh H1 sợ và trả tiền. Sau khi bị đánh, anh H1 di chuyển đến vị trí ngồi bên ngoài đệm, đối diện D, không dám đòi về. Thấy anh H1 tiếp tục nói không còn nợ tiền của D vì trước đó đã trả hết nợ thì H lại tiếp tục cầm gậy ngồi sau lưng anh H1 vụt 03 cái trúng vùng lưng anh H1, đồng thời T3 cũng dùng chân tay không đấm đá vào người anh H1. Ngay lúc này, có anh Trần Văn H2 và Lê Văn H3, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh gõ cửa để tìm anh H1. Thấy vậy, T3 mở cửa cho anh H3 và anh H2 đi vào trong nhà, thì D bảo"không phải việc của chúng mày, đi ra ngoài vào đây làm gì". Nghe D nói vậy và không thấy anh H1 bảo gì, thì anh H3 và anh H2 quay ra bỏ đi khỏi nhà H. T3 tiếp tục đóng cửa, cài chốt lại, còn H tiếp tục dùng gậy kim loại trước đó vụt 03 cái vào đầu và lưng anh H1, còn T3 cũng dùng chân tay không đấm đá nhiều cái vào người anh H1 để bắt nhận còn nợ tiền vay của D. Bị đánh, anh H1 đưa tay lên ôm đầu, mặt và không dám chống trả. Anh H1 tự nhận còn nợ với D 15.000.000 đồng và xin trả dần, thì D bảo không phải 15.000.000 đồng. Thấy D nói vậy, thì H tiếp tục cầm gậy lò xo và T3 sử dụng tay không đánh nhiều cái vào người anh H1. D bảo anh H1 "30 triệu chứ không phải 15 triệu, tiền lãi tao chưa lấy đồng nào của mày cả", nghe vậy anh H1 không nói gì nên D bảo T3 "Lấy cái gì để cho nó viết nợ". Lúc này, T3 thấy phía sau chiếc loa kê trên thảm trong nhà có 01 quyển sổ bìa màu đen và chiếc bút bi của H để sẵn trước đó nên lấy đưa cho D cầm. D đưa sổ và bút cho anh H1 cầm, bắt viết nội dung anh H1 còn nợ D 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi anh H1 viết xong, D đọc lại nội dung thấy thời gian anh H1 nợ tiền ghi ngày 12/6/2025 nên yêu cầu anh H1 viết lại. Anh H1 viết lại nội dung còn nợ tiền vào tờ giấy khác, D đọc lại thấy không vừa ý nên bắt viết lại tờ khác. Anh H1 tiếp tục viết lại vào tờ giấy khác (tờ thứ 3) với nội dung anh H1 còn vay nợ của D số tiền 30.000.000 đồng, thời gian vay vào ngày 12/6/2024, ghi tên người vay là anh H1 theo đúng yêu cầu của D. Anh H1 viết lại giấy vay nợ xong thì đưa lại cho D cầm. D tiếp tục yêu cầu anh H1 xóa hết dữ liệu và thoát tài khoản của anh H1 trong điện thoại di động đưa cho D, nhưng anh H1 không đồng ý thì bị H dùng gậy kim loại vụt, T3 dùng chân tay đấm đá nhiều cái vào vùng mặt và bụng anh H1. Bị đánh, anh H1 thực hiện việc xóa dữ liệu và thoát tài khoản trên điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A78 5G của anh H1 rồi đưa cho D cầm. Lấy được điện thoại di động xong, D tiếp tục yêu

cầu anh H1 "còn cái gì trên người có giá thì bỏ hết ra", anh H1 bảo "Trên người em còn mỗi cái đồng hồ, tiền em không có" rồi anh H1 tháo chiếc đồng hồ Olympia Star, màu vàng, bạc đang đeo trên tay đưa cho D theo yêu cầu. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, chiếm đoạt tài sản xong, H dùng gậy kim loại và T3 dùng tay chân không tiếp tục đánh vào vùng lưng và tay anh H1 một vài cái rồi mở cửa nhà cho anh H1 đi về. Khi D, H, T3 đe dọa, đánh anh H1 thì M1 ngồi ở góc nhà không có hành vi, lời nói gì. Anh H1 ra sân lấy xe mô tô của mình điều khiển đi khỏi nhà H rồi làm đơn trình báo sự việc đến Công an phường N. Công an phường N biên bản kiểm tra dấu vết trên thân thể của anh H1 xác định: Vết bầm bên tai phải kích thước khoảng 05cm; vết bầm ở lưng kích thước 10cm; vết bầm ở bắp tay trái có kích thước (5 x 10)cm; sưng ở gò má trái, bầm tím ở tai trái. Do bị thương tích phần mềm nên anh H1 tự điều trị thương tích.

Đến buổi sáng ngày 13/6/2025, nhận thấy hành vi của mình là sai nên D đi gặp anh H2 và đưa cho anh H2 điện thoại di động và đồng hồ chiếm đoạt của của anh H1 để nhờ H2 trả lại cho anh H1; còn cuốn sổ ghi nợ, bút và gậy kim loại D vẫn để trong nhà H. Tiếp đó, D, H, T3 bỏ đi khỏi nhà H, còn M1 bỏ đi không liên hệ với nhóm của D.

Cùng ngày 13/6/2025, anh H2 đã đến Công an phường N giao nộp các tài sản D đưa cho, gồm: 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu vàng và trắng bạc nhãn hiệu Olympia Star, màu vàng, bạc đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A78 5G có số Imei 1: 864776069489276, số Imei 2: 864776069489268 không lắp sim đều là tài sản D chiếm đoạt của anh H1.

Công an phường N tiến hành lập biên bản kiểm tra ngôi nhà nêu trên của H; kết quả thu trên giường: 01 gậy kim loại màu đen dài 50cm, đường kính 03cm, hai đầu gậy bọc nhựa màu đen dài 10cm, ở giữa có lò xo dài 16cm; thu tại vị trí cách tường nhà phía Đông 1,2m và cách tường phía Nam 1,4m 01 cuốn sổ bìa màu đen kích thước (24 x 17,5 x 2,2)cm, bên trong cuốn sổ có 03 trang giấy (ký hiệu A1, A2, A3) ghi nội dung anh H1 vay nợ tiền của D như nêu trên, có ghi tên người vay Nguyễn Công Hoàng H1.

Ngày 18/6/2025, Công an phường Nếnh chuyển toàn bộ các tài liệu liên quan cùng vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 14/8/2025, Lữ Văn H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đầu thú. Ngày 17/10/2025 và 07/11/2025, Cơ quan điều tra bắt bị cáo để tạm giam đối với Vũ Xuân D, Lưu Quang T3. Quá trình bắt bị cáo Cơ quan điều tra thu giữ của D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17 màu xanh đã qua sử dụng, không gắn thẻ sim, số Imei 1: 869715060031831, số Imei 2: 869715060031823 có ốp bằng cao su màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu sơn đen đã qua sử dụng, gắn biển kiểm soát 98B3-313.11. Cơ quan điều tra kiểm tra việc sử dụng trái

phép chất ma túy đối với D, T3; kết quả D dương tính với chất ma túy MET, THC, T3 dương tính với chất ma túy MET.

Tại bản Bản kết luận giám định số 53/25/KLTTCT-TTPY ngày 11/8/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận thương tích của anh Nguyễn Công Hoàng H1: Thương tích chạm thương vai phải không còn dấu vết: 0%. Thương tích chạm thương vùng lưng không còn dấu vết: 0%. Thương tích chạm thương cánh tay trái không còn dấu vết: 0%. Thương tích chạm thương gò má trái không còn dấu vết: 0%. Thương tích chạm thương vái trái không còn dấu vết: 0%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Công Hoàng H1 tại thời điểm giám định là: 0%. Các thương tích do vật tày gây nên.

Tại bản Kết luận giám định vật gây thương tích số 05/26/KLVGTT-TTPY ngày 14/01/2026 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận: Căn cứ kết quả vật gây thương tích được Cơ quan trưng cầu giám định (gậy kim loại thu tại nhà H) gửi đến phù hợp với đặc điểm của tổn thương, xác định: T3 kim loại gửi giám định là vật có thể gây được các thương tích cho Nguyễn Công Hoàng H1.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 218/KL-HĐĐGTS ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Bắc Ninh, kết luận trị giá tài sản của anh H1 tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 12/6/2025 có tổng trị giá 2.900.000 đồng, cụ thể: 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Olympia Star, màu vàng, bạc đã qua sử dụng, trị giá 1.800.000 đồng. 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A785G màu đen, đã qua sử dụng trị giá 1.100.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 3713/KLKTHS ngày 11/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: "Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Công Hoàng H1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M9) là do cùng một người ký, viết ra."

Cơ quan điều tra tổ chức thực nghiệm điều tra cho các bị cáo tự xác định vị trí của D và anh H1 ở trong nhà H khi xảy ra sự việc cũng như mô tả lại động tác H và T3 đánh anh H1, kết quả: D, H và T3 đã mô tả và thực hiện được các động tác giữ, đánh anh H1 phù hợp với lời khai và diễn biến vụ án như nêu trên.

Bản cáo trạng số 168/CT-VKS-KV2 ngày 13/04/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh truy tố các bị cáo Vũ Xuân Dũng, Lữ Văn Hoan, Lưu Quang T3 về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự và tội "Giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận hành vi như bản Cáo trạng đã nêu nhưng các bị cáo đều không thừa nhận phạm các tội danh như bản Cáo trạng truy tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S khai: do bị cáo D tác động nên bà đã bồi thường cho anh H1 số tiền 50.000.000 đồng, nay bà không yêu cầu bị cáo D, bị cáo H, bị cáo T3 phải trả lại bà số tiền này.

Bị cáo D không yêu cầu bị cáo H, bị cáo T3 phải trả cho bị cáo D số tiền bị cáo D đã tác động bà S là mẹ bị cáo bồi thường cho bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

- *Đối với bị cáo Vũ Xuân D:*

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo D từ 08 năm đến 08 năm 03 tháng tù về tội "Cướp tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo D từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật".

Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội đối với bị cáo từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam 17/10/2025;

- *Đối với bị cáo Lữ Văn H*:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H từ 07 năm 09 tháng đến 07 năm 11 tháng tù về tội "Cướp tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật".

Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội đối với bị cáo từ 08 năm 09 tháng đến 09 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 14/8/2025;.

- *Đối với bị cáo Lưu Quang T3:*

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T3 từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T3 từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "Giữ người trái pháp luật".

Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội đối với bị cáo từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam 07/11/2025.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy chiếc gậy lò xo bằng kim loại, màu đen dài 50cm, hai đầu tay nắm bọc nhựa màu đen, kích thước đầu ngoài tay nắm là 03 cm của H;

- Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17 màu xanh đã qua sử dụng, không gắn thẻ sim, số Imei 1: 869715060031831, số Imei 2: 869715060031823 có ốp bằng cao su màu đen; 01 điện thoại Iphoen 6s dung lượng 32G màu trắng hồng có gắn thẻ sim Viettel, số imei 356137099485526 có vỏ ốp cao su dẻo màu xanh và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu sơn đen đã qua sử dụng, gắn biển kiểm soát 98B3-313.11 là tài sản của bị cáo D nhưng cần tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: áp dụng, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo D tranh luận: Bị cáo thấy Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh "Cướp tài sản" và "Giữ người trái pháp luật" là không đúng. Bị cáo không có mục đích cướp tài sản của anh H1, bị cáo chỉ bắt anh H1 để lại đồng hồ và điện thoại để làm tin. Bị cáo không giữ và bắt anh H1 phải ở lại, sau khi nói chuyện anh H1 viết giấy nhận nợ với bị cáo và sau khi anh H1 để lại đồng hồ, điện thoại làm tin bị cáo vẫn cho anh H1 đi về. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị với bị cáo là quá cao.

Bị cáo T3 tranh luận: Bị cáo thấy Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh "Cướp tài sản" và "Giữ người trái pháp luật" là không đúng. Bị cáo không cướp, không lấy, không giữ tài sản của anh H1, bị cáo chỉ đánh anh H1. Bị cáo không giữ anh H1 ở lại. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị với bị cáo là quá cao.

Bị cáo H tranh luận: Bị cáo không phạm tội "Cướp tài sản" và "Giữ người trái luật". Bị cáo chỉ đánh anh H1, không giữ anh H1. Bị cáo thấy mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là nặng.

Bà S không có tranh luận gì

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận đối đáp:

Đối với quan điểm tranh luận của bị cáo D, bị cáo T3, H cho rằng các bị cáo không phạm tội "Cướp tài sản" và "Giữ người trái pháp luật": Xét thấy quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo D, H đều thừa nhận D có nói với H việc đưa H1 về nhà H để nói chuyện đòi tiền anh H1 nợ D từ trước, có gì thì đánh anh H1 giúp, nếu anh H1 trả tiền thì D cho H một ít để tiêu. Còn T3 được biết sự việc khi đi cùng H về ngã tư chợ N gặp anh H1 ở đó thì H nói lại cho T3 biết anh H1 là người nợ tiền D và đưa anh H1 về nhà H để nói chuyện. Khi về đến nhà Hoan T5 là người đóng cửa lại; các bị cáo đều thừa nhận tại nhà H có T5 dùng tay chân, H dùng gậy kim loại đánh anh H1 nhiều lần để bắt anh H1 viết giấy vay nợ, bắt anh H1 để lại đồng hồ và điện thoại trước khi cho anh H1 về. Cụ thể: Trước khi anh H1 viết giấy vay tiền thì H và T5 đánh anh H1, trong khi anh H1 đang viết giấy vay tiền không đúng theo ý D thì tiếp tục bị H và T5 đánh, sau khi anh H1 viết giấy vay nhận nợ xong D tiếp tục yêu cầu anh H1 để lại đồng hồ đeo tay, điện thoại di động nhưng anh H1 chưa đồng ý thực hiện theo ý của D ngay thì H và T5 tiếp tục đánh anh H1. Như vậy, để anh H1 viết giấy vay nhận nợ với D và đưa tài sản cho D thì trước đó đều bị H và T5 đánh. Hành vi của các bị cáo đối với anh H1 như trên thuộc trường hợp "Dùng vũ lực" theo quy định tại Điều 168 Bộ luật Hình sự về tội "Cướp tài sản".

Quá trình các bị cáo đóng cửa nhốt bị hại trong nhà bị cáo H để thực hiện các hành vi trên diễn ra liên tục trong khoảng thời gian từ 20 giờ 30 đến 21 giờ 30 phút

ngày 12/6/2025, trong thời gian này người bị hại bị mất quyền tự do, quyền đi lại, bị hại chỉ có một mình nhưng bị 03 bị cáo khống chế nên hành vi của các bị cáo là "Giữ người trái pháp luật" theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Đối với quan điểm tranh luận của các bị cáo về mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị với các bị cáo là cao: sau khi đánh giá tính chất hành vi, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, xét thấy mức hình phạt đã đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp, đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Do vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có tranh luận bổ sung gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo D: Bị cáo mong Hội đồng xét xử cho bị cáo có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội

Bị cáo H: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

Bị cáo T5: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị hại vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trong quá trình điều tra, bị hại, người làm chứng đã có lời khai đầy đủ với Cơ quan cảnh sát điều tra và được lưu giữ trong hồ sơ vụ án; tại phiên tòa các bị cáo, đương sự không có ý kiến gì về sự vắng mặt của bị hại, người làm chứng. Do vậy Hội đồng xét xử xác định việc vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử khách quan vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, Hội đồng xét xử thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có vi phạm. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo và

các đương sự không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên toà các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đã thực hiện như bản cáo trạng đã nêu nhưng không thừa nhận phạm các tội danh như bản cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Vũ Xuân D và anh Nguyễn Công Hoàng H1 có mâu thuẫn trong việc vay nợ tiền. D cho rằng anh H1 vay nợ tiền nhưng chưa trả hết, anh H1 cho rằng đã trả hết tiền vay nợ cho D. Tối ngày 12/6/2025, trong lúc D, Lữ Văn H và Lưu Quang T3 đi uống bia với nhau tại quán bán bia ở tổ dân phố H, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) thì D nói cho H biết H1 nợ tiền, bảo H cho anh H1 vào nhà H để nói chuyện đòi tiền. Sau đó, H nói cho T3 biết H1 nợ tiền của D. Anh H1 đi cùng D, T3, H vào nhà H thì các bị cáo đóng cửa nhà lại, giữ anh H1 lại để đòi tiền nợ D, trong đó T3 là người trực tiếp chốt cửa. Trong thời gian liên tục từ khoảng 20 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút ngày 12/6/2025, các bị cáo giữ anh H1 trong nhà để đòi tiền, ban đầu anh H1 không nhận còn nợ tiền D. H cầm 01 gậy kim loại màu đen dài 50cm, đường kính 03cm, hai đầu gậy bọc nhựa màu đen dài 10cm, ở giữa có lò xo dài 16cm, T3 sử dụng chân tay không cùng đánh nhiều cái vào người anh H1 làm nhiều lần khác nhau, buộc anh H1 nhận nợ. Tiếp đó, D bắt anh H1 viết giấy nhận vay của D số tiền 30.000.000 đồng, khi anh H1 viết không đúng ý D thì H và T3 tiếp tục đánh anh H1. Viết xong giấy nhận nợ, D bắt anh H1 để lại tài sản đem theo người, khi anh H1 chưa đưa thì lại bị T3, H đánh. Sau đó, anh H1 đưa cho D 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Olympia Star, màu vàng, bạc trị giá 1.800.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A785G màu đen, đã qua sử dụng trị giá 1.100.000 đồng. Chiếm đoạt được tài sản của anh H1 xong, các bị cáo mở cửa cho anh H1 đi khỏi nhà H. Tổng trị giá tài sản các bị cáo cướp của bị hại là 32.900.000 đồng. Khi bị đánh, anh H1 chỉ bị thương tích phần mềm, tự điều trị, không để lại % thương tích.

[4] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản và quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" và tội "Giữ người trái pháp luật". Quá trình thực hiện hành vi, bị cáo H sử dụng 01 (một) gậy kim loại khi thực hiện hành vi "Cướp tài sản" nên Cáo trạng số 168/CT-VKS ngày 13/04/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh truy tố các bị cáo Vũ Xuân D, Lữ Văn H,

Lưu Quang T3 về tội "Cướp tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự và tội "Giữ người trái pháp luật" quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Về nhân thân:

- Bị cáo Vũ Xuân D có 01 nhân thân về hành vi "Cướp tài sản" không có tiền án, tiền sự

- Bị cáo Lữ Văn H có 03 nhân thân về hành vi "Trộm cắp tài sản", không có tiền án, tiền sự

- Bị cáo Lưu Quang T3 có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo, tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo còn quanh co, không thừa nhận hành vi phạm tội, chưa thể hiện sự khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội.

Quá trình điều tra, bị cáo D tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo D có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng 02 Bằng khen năm 1985, năm 2015; giấy khen năm 2015, huy chương chiến sĩ vẻ vang nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội.

Bị cáo H sau khi phạm tội đã đầu thú, bị cáo T3 có thời gian tham gia phục vụ trong quân ngũ từ tháng 02/2016 đến tháng 01/2018 nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội.

[6] Xét tính chất hành vi và vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ chặt chẽ từ trước.

Bị cáo Vũ Xuân D là người khởi xướng, ép anh H1 viết giấy vay nợ và chiếm đoạt tài sản. Bị cáo H cho D mượn địa điểm nhà ở của mình để đòi nợ anh H1, trực tiếp dùng gậy kim loại đánh anh H1 nhiều lần buộc anh H1 phải viết giấy vau nợ và để lại tài sản; bị cáo T3 là người khóa cửa không cho bị hại ra ngoài, dùng tay

chân đánh bị hại ép viết giấy nợ và để lại tài sản. Do vậy, bị cáo Vũ Xuân D có vai trò đầu tiên, bị cáo H có vai trò thứ hai và bị cáo T3 có vai trò thứ ba trong vụ án.

[7] Về hình phạt: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản và quyền tự do đi lại của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo D, H đã từng bị xử phạt về hành vi vi phạm pháp luật nhưng không lấy đó làm bài học mà nay lại tiếp tục vi phạm. Điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của các bị cáo nên Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

[8] Xét thấy cần tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo Vũ Xuân D, Lữ Văn H, Lưu Quang T3 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Vũ Xuân D đã tác động bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960 là mẹ đẻ của D bồi thường cho anh H1 số tiền 50.000.000 đồng. Đến nay, anh H1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự cho anh H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo D không yêu cầu bị cáo H, T3 phải hoàn trả cho bị cáo D số tiền gia đình bị cáo D đã bỏ ra để bồi thường cho anh H1 thay các bị cáo; bà Nguyễn Thị S (là mẹ đẻ bị cáo D) không yêu cầu bị cáo D, bị cáo H, bị cáo T3 phải trả cho bà số tiền bà đã bỏ ra bồi thường cho anh H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Các vấn đề khác:

Đối với Trần Văn H2, Lê Văn H3, Đỗ Văn T4 mặc dù có mặt tại nhà bị cáo H nhưng đều không biết và không giúp sức cho các bị cáo đánh, giữ anh H1 để chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người phụ nữ tên M1 có mặt tại nhà H: Quá trình điều tra không xác định được cụ thể nhân thân, lai lịch của người này, các bị cáo đều thừa nhận người này không có lời nói, hành vi gì tham gia giúp sức cho các bị cáo nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc Vũ Xuân D và Lữ Quang T6 dương tính với chất ma túy: D khai một mình tự mua, tự sử dụng trái phép chất ma túy ngày 16/10/2025 tại tổ dân phố T, phường V, tỉnh Bắc Ninh; T6 khai một mình tự mua, tự sử dụng trái phép chất

ma túy ngày 06/11/2025 tại tổ dân phố T, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh cho thấy D và T6 không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 nên hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của D, T6 không cấu thành tội phạm. Ngày 04/3/2026 Công an tỉnh B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D và T6 về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các đối tượng bán ma túy cho D, T6: Các bị cáo khai không nhớ mặt, không biết người bán trái phép chất ma túy cho các bị cáo, là ai nên Cơ quan điều tra không có căn điều tra, đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với 01 (một) chiếc gậy lò xo bằng kim loại màu đen dài 50cm, hai đầu gậy bọc nhựa màu đen, kích thước đầu ngoài tay nắm là 03cm: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản của bị cáo H đã sử dụng làm công cụ để thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị đáng kể nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17 màu xanh đã qua sử dụng không gắn thẻ sim, số Imei 1: 869715060031831, số Imei 2: 869715060031823 có ốp bằng cao su màu đen; 01 điện thoại Iphone 6s dung lượng 32G màu trắng hồng có gắn thẻ sim Viettel, số imei 356137099485526 có ốp vỏ cao su dẻo màu xanh; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda gắn biển kiểm soát 98B3 – 313.11. Số loại SH 125i. Màu sơn: Đen. Số máy JF74E0037131. Số khung RLHJF7310GY037044. Dung tích xi lanh 125 cm^3. Năm sản xuất 2018, loại xe hanh bánh từ 50 – 175 cm^3: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định đây là các tài sản hợp pháp của bị cáo D, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Các bị cáo Vũ Xuân D, Lữ Văn H, Lưu Quang T3 đều không thuộc đối tượng được miễn tiền án phí, nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[13] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Vũ Xuân D

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Xuân D 08 (tám) năm 02 (hai) tháng tù về tội "Cướp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Xuân D 01 (một) năm tù về tội "Giữ người trái pháp luật".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 09 (chín) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 17/10/2025.

Đối với bị cáo Lữ Văn H

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lữ Văn H 07 (bảy) năm 10 (mười) tháng tù về tội "Cướp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lữ Văn H 01 (một) năm tù về tội "Giữ người trái pháp luật".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 08 (tám) năm 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 14/8/2025.

Đối với bị cáo Lưu Quang T3

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lưu Quang T3 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Cướp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Quang T3 01 (một) năm tù về tội "Giữ người trái pháp luật".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 07/11/2025.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo Vũ Xuân D, Lữ Văn H, Lưu Quang T3 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc gậy lò xo bằng kim loại màu đen dài 50cm, hai đầu gậy bọc nhựa màu đen, kích thước đầu ngoài tay nắm là 03cm.

- Trả lại bị cáo Vũ Xuân D:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17 màu xanh đã qua sử dụng không gắn thẻ sim, số Imei 1: 8697.1506.0031.831, số Imei 2: 8697.1506.0031.823 có ốp bằng cao su màu đen;

+ 01 điện thoại Iphone 6s dung lượng 32G màu trắng hồng có gắn thẻ sim Viettel, số imei 3561.3709.9485.526 có ốp vỏ cao su dẻo màu xanh;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda gắn biển kiểm soát 98B3 – 313.11. Số loại SH 125i. Màu sơn: Đen. Số máy JF74E0037131. Số khung RLHJF7310GY037044. Dung tích xi lanh 125 cm^3. Năm sản xuất 2018, loại xe hanh bánh từ 50 – 175 cm^3 nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B với Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Các bị cáo Vũ Xuân D, Lữ Văn H, Lưu Quang T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 - Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phân trại tạm giam Việt Yên, Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Linh Chi